

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 6
HKI – NĂM HỌC 2019-2020

A. Phần Văn bản:

I. Truyện cổ dân gian:

TT	Thể loại	Tên truyện	Ý nghĩa truyện
1	Truyện thuyết	Thánh Gióng	Truyện ca ngợi hình tượng người anh hùng tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, đoàn kết, tinh thần anh dũng, kiên cường của dân tộc ta.
2		Sơn Tinh, Thủy Tinh	Truyện: + giải thích hiện tượng mưa bão, lũ lụt xảy ra ở đồng bằng Bắc Bộ hằng năm vào thời các vua Hùng. + Thể hiện sức mạnh, ước mơ chế ngự thiên tai, bảo vệ cuộc sống của người Việt cổ. + Ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.
3	Cổ tích	Thạch Sanh	Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện, cái chính nghĩa và tư tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của ND ta.
4		Em bé thông minh	Truyện: + Đề cao trí khôn dân gian và kinh nghiệm đời sống dân gian + Tạo tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên...
5	Ngụ ngôn	Ếch ngồi đáy giếng	Truyện: - ngụ ý phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà lại huênh hoang. - khuyên nhủ người ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không chủ quan, kiêu ngạo.
6		Thầy bói xem voi	Truyện khuyên nhủ con người khi tìm hiểu về một sự vật, sự việc nào đó phải xem xét chúng một cách toàn diện.
7	Truyện cười	Treo biển	Truyện tạo nên tiếng cười vui vẻ, có ý nghĩa phê phán nhẹ nhàng những người hành động thiếu chủ kiến và nêu lên bài học về sự cần thiết phải tiếp thu có chọn lọc ý kiến của người khác.

Học và nắm:

- Phương thức biểu đạt chính của văn bản.
- Kể tên truyện theo từng thể loại.
- Khái niệm từng thể loại truyện, chỉ ra sự khác nhau giữa truyện truyền thuyết và cổ tích; giữa truyện ngụ ngôn với truyện cười.
- Hiểu nội dung, và nêu được ý nghĩa của từng truyện.
- Ý nghĩa biểu tượng của các hình ảnh: Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh...

- Xác định nhân vật chính và nêu phẩm chất, tính cách của các nhân vật đó.
- Ý nghĩa các chi tiết kì ảo.
- Hiểu được nội dung, ý nghĩa sự việc, đặc điểm nhân vật qua các chi tiết, đoạn truyện cụ thể. Rút ra cho bản thân bài học ứng với từng truyện.

II. Truyện trung đại:

Tên văn bản – Tác giả	Ý nghĩa truyện	Nghệ thuật
- Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng. - Hồ Nguyên Trừng	Truyện ca ngợi vị Thái y lệnh không chỉ giỏi chữa bệnh mà còn có tấm lòng nhân đức, thương yêu và quyết tâm cứu sống người bệnh tới mức không sợ uy quyền, không sợ mang vạ vào thân.	Viết truyện gần với kí, viết người thật, việc thật. Xây dựng tình huống gay cấn.

☞ Học và nắm:

- Phương thức biểu đạt chính của văn bản.
- Hiểu thế nào là truyện trung đại, nắm chủ đề truyện, tên và phẩm chất nhân vật chính.
- Tình huống đặc sắc của truyện và ý nghĩa của tình huống đó.

B. Phần Tiếng Việt:

❶ Loại từ:

- ①. Từ và cấu tạo của từ tiếng Việt (từ xét theo cấu tạo): từ đơn, từ phức: từ ghép, từ láy.
- ②. Từ xét theo nguồn gốc: từ thuần Việt và từ mượn.

☞ Cần nắm và luyện:

- Vẽ sơ đồ phân loại từ xét theo cấu tạo (từ và cấu tạo từ tiếng Việt); từ xét theo nguồn gốc.
- Khái niệm các loại từ: từ đơn, từ phức, từ ghép, từ láy; phân biệt từ láy và từ ghép.
- Khái niệm từ mượn, các lớp từ mượn.
- Xác định chúng trong văn cảnh cụ thể và đặt câu có sử dụng chúng theo yêu cầu.

❷ Nghĩa của từ.

☞ Cần nắm và luyện:

- Thế nào là nghĩa của từ? Hai cách giải nghĩa từ.
- Nhận diện được cách giải nghĩa từ, biết giải thích nghĩa của từ.

❸ Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

☞ Cần nắm và luyện:

- Cần nắm nghĩa gốc và nghĩa chuyển.
- Biết xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ trong văn cảnh cụ thể.
- Đặt câu từ được dùng với nghĩa gốc / nghĩa chuyển theo yêu cầu.

❹ Từ loại: Danh từ, động từ, tính từ; số từ, lượng từ, chỉ từ.

☞ Cần nắm và luyện:

- Nắm khái niệm, đặc điểm ngữ pháp (khả năng kết hợp với từ ngữ) và chức năng ngữ pháp (làm thành phần gì trong câu, trong cụm từ). Vẽ sơ đồ phân loại danh từ / động từ / tính từ.
- Nhận biết các từ loại trong văn cảnh cụ thể. Biết đặt câu theo yêu cầu (vd: đặt 1 câu có danh từ làm vị ngữ / đặt 1 câu có động từ làm chủ ngữ...)

⑤. Chữa lỗi dùng từ.

☞ Cần nắm và luyện:

- Các lỗi về dùng từ trong khi nói, viết. Vẽ sơ đồ về **chữa lỗi dùng từ**.
- Chỉ ra từ bị dùng sai trong câu, nêu lí do sai và chữa lại.

⑥. Các cụm từ: cụm danh từ, cụm động từ và cụm tính từ

☞ Nắm và rèn luyện:

- Nắm khái niệm và cấu tạo.
- Xác định được các loại cụm từ trong văn cảnh cụ thể và phân tích được cấu tạo của chúng.
- Biết đặt câu theo yêu cầu (vd: viết một câu có dùng CDT làm VN / dùng CĐT làm VN...)

C. Tập làm văn: Rèn luyện viết bài văn tự sự về

① Kể chuyện đời thường: kể người, kể việc.

② Kể chuyện tưởng tượng (đóng vai; hóa thân kể tâm sự loài vật; kết thúc mới; các vật / đồ vật tranh giành, tị nạnh...).

☺. MỘT SỐ BÀI TẬP VẬN DỤNG

Bài 1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Trăng đang lên. **Mặt** sông lấp lánh ánh vàng. Núi Trùm cát **đứng** sừng sững bên bờ sông thành một khối tím thẫm uy nghi, trầm mặc. Dưới ánh trăng dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.

- Phương thức biểu đạt chính của văn bản.
- Chỉ ra từ ghép, từ láy.
- Chỉ ra các từ mượn có trong đoạn văn, cho biết chúng thuộc lớp từ mượn nào?
- Xác định một danh từ chỉ đơn vị tự nhiên và ba danh từ chỉ sự vật.
- Xác định các động từ, tính từ và phân loại chúng.
- Từ “**mặt**”, “**đứng**” trong đoạn văn được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển, giải thích ý nghĩa từ này.

Bài 2. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ, ùng ùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi **cuớp** Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, **swòn** núi, thành Phong Châu như nổi lên trên một **biển** nước.

- Phương thức biểu đạt chính của văn bản.
- Đoạn văn trích từ văn bản nào? Nêu thể loại của văn bản đó?
- Nêu ngắn gọn nội dung của đoạn trích này.
- Xác định 5 từ ghép và 3 từ láy. Xác định 2 từ mượn, cho biết thuộc lớp từ mượn nào?
- Xác định 5 danh từ, 5 động từ, 3 tính từ và phân loại chúng.
- Giải nghĩa các từ in đậm và cho biết chúng được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Bài 3. Hãy cho biết trong các câu sau từ nào sử dụng sai, nêu lí do sai và sửa lại?

- Truyện Thạch Sanh là một truyện hay cho nên em rất thích truyện Thạch sanh.
- Bác Hồ đã buôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước.
- Hè năm ngoái cả lớp em được đi thăm quan dinh Thống Nhất.
- An có một tương lai thật sáng lạng.

5. Cô giáo đã truyền tụng cho em rất nhiều kiến thức.
6. Bạn ấy hay nói năng tự tiện.
7. Anh ấy có một yếu điểm là cả tin.
8. Sự thông minh của em bé đã khiến em bàng hoàng.
9. Có một số bạn còn bàng quang với lớp.
10. Chúng ta có nhiệm vụ giữ gìn tinh tú của văn hóa dân tộc.

Bài 4. Mỗi từ sau đây đặt hai câu, 1 câu được dùng với nghĩa gốc và một câu được dùng với nghĩa chuyển: *chín, mũi, mặt, chạy, miệng, lá, đường, sống, ngọt, quả, sống, thân, chết, sạch.*

Bài 5. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“...Vua **sai** bắt giam hai mẹ con Lý Thông, lại **giao** cho Thạch Sanh xét xử. Chàng không giết mà cho chúng về quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng **bị** sét đánh chết, rồi hóa kiếp thành bọ hung.

Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ **tưng bừng nhất kinh kì**,...Thấy vậy hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ **hội binh lính** cả mười tám nước kéo sang đánh. Thạch Sanh xin nhà vua **đừng** động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước **bùn rùn** tay chân, không còn nghĩ được gì đến chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử **phải** cõng giáp xin hàng. Thạch sanh sai dọn một bữa cơm **thết đãi** những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ dọn ra vẻn vẻn có một niêu cơm **tí xíu**, bĩu môi, không **muốn** cầm đũa. Biết ý Thạch Sanh đồ họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm **bé xíu** cứ ăn hết lại **đầy**. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước.”

1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản.
2. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào, thể loại của văn bản đó?
3. Nêu nội dung của đoạn trích.
4. Đoạn truyện này viết về nhân vật nào, nhân vật này là người như thế nào?
5. Trong đoạn có những chi tiết kỳ ảo nào, chỉ ra và nêu ý nghĩa của từng chi tiết.
6. Ở các từ in đậm, xác định từ loại và phân loại chúng.
7. Chỉ ra hai từ mượn.

Bài 6. Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo các yêu cầu bên dưới:

Có một **con ếch sống** lâu ngày trong giếng nọ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua ốc bé nhỏ. Hằng ngày nó **cất tiếng kêu ồm ộp** làm vang động cả giếng, **khiến** các con vật kia rất hoảng sợ. **Ếch cứ tưởng** bầu trời trên đầu chỉ **bé** bằng chiếc vung và nó thì **oai** như một vị chúa tể.

(Trích truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng”)

- a. Phương thức biểu đạt chính của văn bản.
- b. Đoạn trích trên kể sự việc gì? Ở đoạn trích, con ếch có tính cách gì, chỉ ra **một chi tiết tiêu biểu** làm rõ tính cách đó của ếch?
- c. Chỉ ra hai cụm danh từ, hai cụm động từ, một cụm tính từ và phân tích cấu tạo của chúng.
- d. Xác định từ loại của các từ in đậm.

Bài 7 Tại sao truyện “Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng” gọi là truyện trung đại? Chỉ ra tình huống đặc sắc của truyện? Nhân vật chính của truyện là ai, đó là người như thế nào?

Bài 8. Viết bài văn hoàn chỉnh cho một số đề tham khảo sau:

1. Kể một kỉ niệm mà em nhớ nhất.
2. Kể một lần em phạm lỗi hoặc một lầm làm việc tốt.
3. Kể chuyện vui trong học tập hoặc sinh hoạt.
4. Kể về một người mà em ấn tượng.
5. Đóng vai một nhân vật trong truyện mà em thích để kể lại truyện ấy.
6. Mượn lời một con vật hay đồ vật kể lại tâm sự, tình cảm của nó với người chủ.
7. Kể một đoạn kết mới cho truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”, “Thạch Sanh”...
8. Kể một truyện dân gian ở lớp 6 bằng lời văn của em.

☺. ĐỀ THAM KHẢO:

Đề 1.

KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian: 90 phút

Câu 1 (3.0 điểm). Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

Thần Gió và Mặt Trời

Sau khi gây ra thiên tai, bão táp làm đổ sập nhà cửa, cây cối, Thần Gió càng tỏ ra ngạo mạn. Một hôm, Thần Gió tranh cãi với Mặt Trời xem ai là kẻ mạnh nhất. Nhìn xuống mặt đất, thấy một khách bộ hành khoác chiếc áo toi đang đi, Mặt Trời bảo: “Chẳng cần cãi nhau làm gì, hãy ai làm cho người khách bộ hành kia phải cởi chiếc áo ra sẽ thắng cuộc và là kẻ mạnh nhất”

Thần Gió bắt đầu giương oai, thổi làm cát bụi bốc lên mù mịt, cây cối đổ rạp. Những cơn cuồng phong liên tiếp nổi lên, kèm với cái lạnh buốt da, buốt thịt. Tuy nhiên, gió càng lớn chừng nào thì người bộ hành càng cố giữ chặt chiếc áo toi của mình, làm cho Thần Gió không cách nào lột được chiếc áo kia.

Đến phiên Mặt Trời, từ trong đám mây đen, Mặt Trời từ từ lộ dạng. Những tia nắng vàng tỏa ra khắp nơi, làm người bộ hành cảm thấy ấm áp, thoải mái. Mặt Trời càng lâu càng nóng ấm. Thế rồi người bộ hành tự động cởi bỏ chiếc áo toi vô dụng kia ra.

(Kể chuyện Đạo đức và học cách làm người)

- 1.1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.
- 1.2. Nêu ý nghĩa của đoạn in đậm trong văn bản.
- 1.3. Văn bản thuộc thể loại truyện dân gian nào đã học? Kể tên một văn bản cùng thể loại.
- 1.4. Ở những từ gạch chân. Chỉ ra: Một từ ghép, một từ láy, một từ mượn, một chỉ từ
- 1.5. Ở câu: *Những tia nắng vàng tỏa ra khắp nơi, làm người bộ hành cảm thấy ấm áp, thoải mái.* Chỉ ra một cụm danh từ, một cụm động từ và nêu cấu tạo của từng cụm.

Câu 2 (2,0 điểm). Thực hiện theo các yêu cầu:

2.1. Cho danh từ: *Thiên tai*. Đặt hai câu:

Một câu có từ *thiên tai* làm chủ ngữ, một câu có từ *thiên tai* làm vị ngữ.

2.2. Chọn từ: Sạch, đặt hai câu:

Một câu có từ sạch dùng với nghĩa gốc, một câu có từ sạch dùng với nghĩa chuyển.

Câu 3 (5,0 điểm).

Trong vai một nhân vật của truyện kể lại câu chuyện trên (truyện “Thần Gió và Mặt Trời”)

Đề 2.

I. Đọc - hiểu (3,0 điểm). Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Ba lưỡi rìu

Ngày xưa, có anh tiều phu nghèo, mồ côi cha mẹ, tài sản chỉ có một chiếc rìu bằng sắt. Hằng ngày anh vào rừng đốn củi bán lấy tiền sống qua ngày.

Một hôm, đang chặt củi bên bờ sông thì lưỡi rìu văng xuống nước. Dòng sông nước chảy xiết nuốt chửng lưỡi rìu xuống lòng sông sâu. Thất vọng, anh ngồi khóc.

Bỗng một cụ già tóc bạc phơ, đôi mắt hiền từ xuất hiện:

- Này con, có chuyện gì mà con khóc?

Anh chàng tiều phu trả lời:

- Thừa cụ, cha mẹ con mất sớm, nhà lại nghèo, tài sản duy nhất là chiếc rìu giờ đã bị rơi xuống sông. Vậy nên con khóc!

Ông cụ vẫy tay một cái, từ dưới sông bay lên một chiếc rìu bằng bạc sáng lấp lánh. Anh tiều phu lắc đầu và nói:

- Không phải lưỡi rìu của con ạ!

Ông cụ lại vẫy tay, một chiếc rìu vàng óng ánh từ dưới sông bay lên. Anh lại lắc đầu và bảo:

- Cũng không phải của con ạ!

Ông cụ vẫy tay lần nữa, chiếc rìu bằng sắt đã nằm gọn trên tay.

Anh chàng tiều phu sung sướng reo lên:

- Vâng, đây đúng là lưỡi rìu của con. Con cảm ơn cụ, cảm ơn cụ!

Ông cụ đưa cho anh cả ba lưỡi rìu và nói:

- Con quả là người chăm chỉ siêng năng lại trung thực. Nay ta tặng thêm cho con hai lưỡi rìu bằng vàng và bạc này. Con hãy nhận lấy.

Nói rồi ông cụ biến mất.

Anh tiều phu vui mừng cúi đầu tạ.

Từ khi có thêm rìu vàng rìu bạc, anh làm ra nhiều của cải hơn và trở nên giàu có.

(Sưu tầm từ Internet)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Nêu ý nghĩa văn bản.

Câu 3. Văn bản thuộc thể loại truyện dân gian nào đã học? Nêu một đặc điểm để khẳng định.

Câu 4. Ở các từ gạch chân. Chỉ ra: hai từ ghép, hai từ láy; một động từ và một tính từ.

II. Vận dụng (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

1.1. Từ in đậm “**nuốt**” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển. Giải nghĩa từ này.

1.2. Ở câu văn sau từ nào dùng sai? Nêu lí do sai và sửa lại cho đúng.

*Là bạn bè, anh không được đối xử đạ**m** bạc với cậu ấy.*

Câu 2 (5,0 điểm).

Cha, mẹ, thầy, cô, bạn bè (một người bạn) là những người gần gũi, thân thiết với em.
Hãy kể về một người em yêu quý nhất.

Đề 3.

I. ĐỌC HIỂU: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

Ngày xưa, ngày xưa, ở một làng kia có hai em bé. Bố mẹ mất sớm, hai em về sống với bà ngoại. Bà già lắm và cũng nghèo lắm. Ba bà cháu **rau cháo** nuôi nhau, đời sống rất đổi **chật vật**. Nhưng được cái lúc nào cũng hòa thuận vui vẻ. Các cháu riu rít **quán quýt** bên bà. Bà móm mém cười hiền từ nhìn các cháu, dịu bớt những nỗi vất vả đắng cay.

Một hôm, có bà tiên đi ngang qua. Thấy tình cảnh ba bà cháu, mũi lòng, liền để lại một trái đào và dặn: “Khi nào bà đến cõi, mất đi, hai cháu mang hạt trồng trên mộ thì lập tức sẽ được giàu có sung sướng.”

Đời sống cực nhọc quá, cuối cùng rau cháo cũng không đủ ăn. Bà ngoại thương cháu nhịn ăn mấy ngày liền để cái chết mau đến, **hi vọng** lời bà tiên sẽ thành sự thật, cháu mình sẽ sớm hưởng hạnh phúc.

(Trích “Bà cháu”, có điều chỉnh - Trần Hoài Dương)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. Nêu ngắn gọn cảm nhận của em về người bà ở đoạn trích và tìm một chi tiết tiêu biểu làm rõ.

Câu 3. Ở các từ in đậm, chỉ ra hai từ ghép, hai từ láy; một danh từ và một tính từ.

Câu 4. Giải nghĩa từ “**sống**” trong câu: “*Bố mẹ mất sớm, hai em về sống với bà ngoại.*”

Câu 5. Ở câu “*Nhưng được cái lúc nào cũng hòa thuận vui mừng*”, từ nào bị dùng sai, nêu lý do sai và chữa lại cho đúng?

II. TẬP LÀM VĂN:

Chọn một truyện dân gian mà em thích (ở SGK Ngữ văn 6, tập I). Trong vai một nhân vật của truyện kể lại truyện ấy.

- HẾT -